ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIM ANH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 9324/TB-UBND	*Kim Anh, ngày 23 tháng 11 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc đề nghị hộ gia đình, cá nhân tự tháo dỡ, di dời công trình, tường rào, cây trồng trên đất rừng phòng hộ thuộc phạm vi dự án: Giải phóng mặt bằng và xây dựng công trình bảo vệ đất quốc phòng Sư đoàn Bộ binh 312/Quân đoàn 12

Thực hiện Quyết định số 2158/QĐ-UBND ngày 16/12/2025 của UBND xã Kim Anh về việc giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Giải phóng mặt bằng và xây dựng công trình bảo vệ đất quốc phòng Sư đoàn Bộ binh 312/Quân đoàn 12 tại thôn Phú Sơn, xã Kim Anh. Thông báo số 309-TB/BCĐ ngày 20/11/2026 của Ban Chỉ đạo giải phóng mặt bằng về kết luận của đồng chí Bí thư Đảng ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn xã Kim Anh.

Qua kiểm tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện dự án Giải phóng mặt bằng và xây dựng công trình bảo vệ đất quốc phòng Sư đoàn Bộ binh 312/Quân đoàn 12, còn một số hộ gia đình, cá nhân chưa phối hợp bàn giao mặt bằng trong ranh giới dự án. Theo hồ sơ quản lý đất đai, diện tích đất này được xác định thuộc quy hoạch đất rừng phòng hộ. Hiện trạng các hộ gia đình, cá nhân đã tự xây dựng công trình, tường rào, trồng các loại cây không đúng quy định của pháp luật về đất đai và lâm nghiệp.

Để bảo đảm tiến độ giải phóng mặt bằng, có cơ sở xác định đối tượng, nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và xử lý vi phạm theo đúng quy định, Ủy ban nhân dân xã Kim Anh thông báo:

1. Đề nghị các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất, có công trình, vật kiến trúc, cây trồng trên các thửa đất rừng phòng hộ (có danh sách tại Phụ lục 01, Phụ lục 02 kèm theo Thông báo này) đến UBND xã Kim Anh để làm việc, kê khai, cung cấp giấy tờ liên quan (nếu có). Đối với các thửa đất chưa xác định được tên người sở hữu tài sản (Phụ lục 02), tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất, có tài sản, cây trồng trên đất có trách nhiệm đến làm việc, kê khai theo nội dung Thông báo này.

- Địa điểm làm việc: Nhà văn hóa thôn Phú Sơn, xã Kim Anh, TP. Hà Nội.

- Thời gian tiếp nhận: Trong giờ hành chính các ngày làm việc, từ ngày 25/11/2026 đến hết ngày 27/11/2026.

- Hồ sơ mang theo: Thẻ Căn cước hoặc Căn cước công dân, giấy tờ về nguồn gốc, quyền sử dụng đất (sổ lâm bạ, quyết định giao đất, giao rừng, hợp

đồng giao khoán, hợp đồng chuyển nhượng, giấy tờ thừa kế, tặng cho…), giấy tờ liên quan đến việc xây dựng công trình, trồng cây trên đất (nếu có).

2. Đề nghị các hộ gia đình, cá nhân có tên trong Danh sách chủ động tự tháo dỡ công trình, tường rào, vật kiến trúc, di dời tài sản, cây trồng ra khỏi phạm vi các thửa đất nêu trên để bàn giao mặt bằng cho dự án.

3. Hết thời hạn nêu tại mục 1, mục 2 Thông báo này, hộ gia đình, cá nhân không đến làm việc, không tự tháo dỡ, di dời thì UBND xã Kim Anh sẽ căn cứ kết quả kiểm đếm, hồ sơ địa chính và kết quả xác minh nguồn gốc đất để lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính về đất đai, lâm nghiệp, xây dựng và tổ chức tháo dỡ, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật không được bồi thường theo khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2024.

4. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở UBND xã Kim Anh, Nhà văn hóa thôn Phú Sơn, đăng trên Cổng thông tin điện tử và phát trên hệ thống truyền thanh của xã, Cơ quan Báo và Phát thanh, truyền hình Hà Nội (Báo điện tử và Phát thanh). Đồng thời gửi đến các hộ gia đình, cá nhân có tên trong Danh sách (trường hợp đã xác định được địa chỉ).

(Phụ lục 01, Phụ lục 02 kèm theo)

Ủy ban nhân dân xã Kim Anh thông báo để các hộ gia đình, cá nhân liên quan biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- UBND Thành phố; (để báo cáo)
- TT Đảng ủy xã; (để báo cáo)
- Ban Chỉ đạo GPMB xã; (để báo cáo)
- Đ/c Chủ tịch UBND xã; (để báo cáo)
- Chi cục Kiểm lâm Hà Nội;
- Phòng Hạ tầng - Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng;
- Công an xã;
- Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã;
- Trưởng thôn Phú Sơn;
- Hạt Kiểm lâm số 4 – Chi cục Kiểm lâm HN;
- Các hộ gia đình, cá nhân có tên trong DS;
- Lưu: VT, HT-NN&MT, QLDA.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ KIM ANH T.P HÀ NỘI

Nguyễn Văn Toàn

PHỤ LỤC 01

DANH SÁCH 167 THỬA ĐẤT ĐÃ XÁC ĐỊNH ĐƯỢC TÊN NGƯỜI SỞ HỮU TÀI SẢN TRÊN ĐẤT

Có diện tích thuộc quy hoạch đất rừng phòng hộ, chưa bàn giao mặt bằng, thuộc phạm vi dự án Giải phóng mặt bằng và xây dựng công trình bảo vệ đất quốc phòng Sư đoàn Bộ binh 312/Quân đoàn 12 (thôn Phú Sơn, xã Kim Anh)

(Kèm theo Thông báo số: 9324/TB-UBND ngày 23/11/2026 của UBND xã Kim Anh)

STT	Người sở hữu tài sản trên đất	Số thửa	Tờ BĐ GPMB	Diện tích thu hồi (m²)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hỷ	4-2	1	13.150,0	
2	Nguyễn Thế Hùng	13-1	1	680,0	
3	Trần Thị Tuyết Hồng	13-2	1	7.719,3	
4	Dương Mạnh Tiến	2	2	3.207,0	
5	Dương Thị Thu Trang	3	2	6.220,2	
6	Vũ Tuấn Anh	5-1	2	9.008,3	
7	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	5-2	2	9.136,1	
8	Đào Lê Mai Trang	5-7	2	13.689,6	
9	Cao Trung Kiên	9	2	6.756,0	
10	Vũ Thị Thu Hương	11	2	1.273,6	
11	Lê Thanh Thủy - Phan Thảo Nguyên	1	3	4.141,5	
12	Phạm Văn Thao	2-1	3	4.428,7	
13	Phạm Văn Thao	2-2	3	4.640,7	
14	Lương Đức Bằng	2-3	3	4.889,6	
15	Phạm Văn Thao	2-4	3	4.993,6	
16	Phạm Xuân Diễm	3	3	7.256,0	
17	Trần Ngọc Hải	5	3	10.701,9	
18	Trần Thị Thanh Định	6-1	3	3.573,3	
19	Nguyễn Phú Thọ	6-2	3	3.573,2	
20	Nguyễn Thị Thanh Bình	8	3	2.982,0	
21	Nguyễn Thị Mai Hương	11	3	2.986,0	
22	Nguyễn Thị Thu Hằng	12	3	2.986,0	
23	Trần Thị Đức	2	4	4.268,7	
24	Trần Minh Sơn - Lê Thị Oanh	4	4	2.556,0	

STT	Người sở hữu tài sản trên đất	Số thửa	Tờ BĐ GPMB	Diện tích thu hồi (m^2)	Ghi chú
25	Trần Thị Tuyết Hồng	5-2	4	10.730,7	
26	Nguyễn Văn Dũng	5-3	4	1.008,8	
27	Nguyễn Thị Hải Vân	7	4	2.766,7	
28	Nguyễn Duy Bão	8	4	3.730,1	
29	Nguyễn Thị Nguyện	9	4	1.445,4	
30	Trần Thị Nhàn	10-1	4	1.213,7	
31	Dương Thùy Trang	12-2	4	2.300,0	
32	Nguyễn Thị Hồng Liên Dương	12-3	4	10.506,6	
33	Vũ Thị Mai	12-4	4	3.381,5	
34	Nguyễn Thị Hà	13	4	1.143,8	
35	Nguyễn Thị Hạnh	13-1	4	1.503,4	
36	Nguyễn Quang Tấn	14-1	4	7.202,6	
37	Đinh Văn Hoàng	14-2	4	5.817,0	
38	Nguyễn Quang Trung	15	4	2.647,2	
39	Hoàng Văn Thắng	16	4	1.013,1	
40	Nguyễn Thị Phượng	17	4	1.445,4	
41	Nguyễn Văn Dũng	18	4	628,1	
42	Nguyễn Văn Lợi	1-1	5	4.372,9	
43	Nguyễn Văn Thắng	1-2	5	4.372,9	
44	Nguyễn Mạnh Quân	3	5	2.279,0	
45	Nguyễn Thị Thùy Ninh	4	5	7.125,9	
46	Vũ Ngọc Trình	5	5	2.622,6	
47	Lê Thị Anh Minh	6	5	12.279,4	
48	Trần Đức Bản	7	5	3.671,8	
49	Bùi Quốc Khánh (Trần Thị Thu Huyền)	10	5	4.548,1	
50	Trần Thị Xuân	11-1	5	3.537,0	
51	Đỗ Văn Bình	11-2	5	4.514,1	
52	Trần Thị Thu Huyền	12	5	4.548,0	
53	Cao Thành Long	13	5	2.447,5	
54	Nguyễn Đức Luân	13-1	5	2.500,0	

STT	Người sở hữu tài sản trên đất	Số thửa	Tờ BĐ GPMB	Diện tích thu hồi (m^2)	Ghi chú
55	Đặng Thị Ngân	14	5	1.296,2	
56	Phan Quốc Hưng	18-1	5	2.183,3	
57	Hường	18-2	5	3.101,1	
58	Đinh Tiến Tùng	22	5	2.250,0	
59	Đinh Tiến Tùng	22-1	5	1.024,3	
60	Nguyễn Thị Thu Hường	27-1	5	3.963,8	
61	Phạm Quốc Hưng	27-2	5	1.200,0	
62	Cao Thị Khải	27-3	5	500,0	
63	Vũ Ngọc Trình	29	5	1.001,0	
64	Vũ Ngọc Trình	31	5	1.009,0	
65	Vũ Ngọc Trình	32	5	1.400,0	
66	Vũ Hải Hà	2	6	9.118,6	
67	Vũ Hải Hà	3	6	9.011,7	
68	Nguyễn Đình Hải (Nguyễn Thị Ngọc Hoa)	4	6	10.968,0	
69	Lê Thị Tý	8	6	1.119,3	
70	Ngô Thị Thu Phương	23	6	10.475,5	
71	Trần Thị Nhàn	1	7	14.746,5	
72	Vũ Trường Sơn	2	7	6.870,2	
73	Phùng Thị Thanh Giang	5	7	18.741,9	
74	Nguyễn Văn Cửu	7	7	6.011,4	
75	Lê Thanh Hằng	9	7	3.003,5	
76	Nguyễn Thị Mai	1	8	15.228,5	
77	Nguyễn Anh Ngọc	1-1	8	1.141,0	
78	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	1-2	8	1.440,0	
79	Nguyễn Thị Hồng Vân	1-4	8	831,7	
80	Nguyễn Văn Lượng	7	8	943,8	
81	Dương Thị Dung	14	8	1.595,4	
82	Dương Thị Dung	15	8	1.027,1	
83	Nguyễn Thị Hải	17	8	1.030,8	

STT	Người sở hữu tài sản trên đất	Số thửa	Tờ BĐ GPMB	Diện tích thu hồi (m^2)	Ghi chú
84	1. Hoàng Việt 2. Dương Thị Vịnh 3. Nguyễn Vũ Phương	54	8	4.970,0	
85	Nguyễn Thị Hậu	56	8	4.664,7	
86	Nguyễn Văn Tiến	57	8	264,9	
87	Trần Văn Tùng	59	8	277,1	
88	Lê Kim Chi	64	8	1.562,7	
89	Nguyễn Quang Tùng	10	9	1.802,2	
90	Phạm Thị Hằng	14	9	6.443,7	
91	Vũ Thu Thủy	15	9	5.408,7	
92	Nguyễn Công Biết	18-1	9	8.003,8	
93	Nguyễn Viết Tiến	18-2	9	2.000,0	
94	Nguyễn Thị Nguyên	2	10	825,0	
95	Vũ Anh Tình	2-1	10	825,0	
96	Nguyễn Thị Nguyên	2-2	10	1.877,7	
97	Nguyễn Thị Thanh	6	10	360,3	
98	Hoàng Văn Luyện (Đã bán cho ông Cường)	7	10	4.444,6	
99	Nguyễn Mậu Hoàng	8	10	1.253,3	
100	Nguyễn Thị Thu Hiền (Hoàng Việt)	10	10	1.563,1	
101	Nguyễn Minh Khôi	11	10	984,3	
102	Lê Văn Duy	12	10	379,1	
103	Lê Thị Ninh	13	10	363,2	
104	Hoàng Việt	14	10	3.295,3	
105	Trần Xuân Quang - Trần Thị Dung	15-1	10	1.491,0	
106	Trần Xuân Quang -Trần Đức Hoàn	15-2	10	1.989,0	
107	Hồ Thị Loan Phượng	16	10	1.967,5	
108	Hoàng Việt	21	10	5.492,4	
109	Nguyễn Văn Việt	24	10	875,5	
110	Nguyễn Thị Hồng Phương	26	10	3.356,9	
111	Nguyễn Tấn Hiên	28	10	9.672,4	
112	Lê Vũ Tùng	31	10	9.467,8	

STT	Người sở hữu tài sản trên đất	Số thửa	Tờ BĐ GPMB	Diện tích thu hồi (m^2)	Ghi chú
113	Nguyễn Bảo Yến	34	10	359,3	
114	Ngô Xuân Phương	37-1	10	280,3	
115	Ngọ Thị Hoàn	37-2	10	280,3	
116	Ngọ Thị Chỉnh	37-3	10	280,2	
117	Ngọ Thị Thiện	37-4	10	280,3	
118	Nguyễn Thị Thu Hà	38	10	2.386,3	
119	Nguyễn Thị Kết	45	10	205,9	
120	Cống Thị Ngọc Ánh	46	10	951,2	
121	Nguyễn Thị Phương Thảo	49	10	202,3	
122	Trần Thị Ánh	50	10	475,2	
123	Nguyễn Xuân Thảo	57	10	573,7	
124	Nguyễn Đức Oách	59	10	364,6	
125	Nguyễn Thị Thanh Hằng	60	10	1.486,4	
126	Nguyễn Đức Hùng	63	10	461,4	
127	Nguyễn Thị Liễu	65	10	224,9	
128	Nguyễn Thị Thúy Hà	67	10	180,4	
129	Trần Thị Kim Dung	70	10	177,9	
130	Nguyễn Thị Thu Hương	72	10	3.800,1	
131	Nguyễn Đức Chè	73	10	176,2	
132	Nguyễn Đức Sơn	75	10	350,9	
133	Nguyễn Thanh Bình	77-3	10	790,7	
134	Lê Văn Dũng	80	10	393,0	
135	Lê Ngọc Minh	84	10	109,5	
136	Nguyễn Trung Thành	87	10	858,3	
137	Hoàng Việt	2	11	7.869,1	
138	Nguyễn Thị Thu Hà	4	11	2.845,0	
139	Nguyễn Thanh Tùng	2	12	3.611,3	
140	Nguyễn Thị Liễu	3-2	12	394,6	
141	Nguyễn Tiến Thực	6	12	705,5	
142	Dương Văn Tuấn	60-1	12	400,0	

STT	Người sở hữu tài sản trên đất	Số thửa	Tờ BĐ GPMB	Diện tích thu hồi (m^2)	Ghi chú
143	Tạ Văn Cường	60-2	12	180,8	
144	Lý Mạnh Hùng + Đặng Quang Tiến	2	13	1.192,2	
145	Công Thị Thanh	4	13	2.416,2	
146	Lương Thị Hòa	5	13	8.581,4	
147	Lương Thị Bình - Lương Thị Yên	6	13	498,7	
148	Nguyễn Thu Hiền	7	13	373,7	
149	Lưu Đình Hải	10	13	2.930,7	
150	Nguyễn Thu Hằng	11	13	502,0	
151	Hoàng Văn Tha	12	13	1.688,8	
152	Nguyễn Xuân Thăng	14	13	680,1	
153	Vũ Thị Song Nga	15	13	4.712,4	
154	Tạ Văn Cường	18-2	13	1.025,0	
155	Nguyễn Anh Tuấn	21-1	13	1.350,0	
156	Nguyễn Anh Tuấn	21-2	13	1.146,4	
157	Mai Thị Ngà	23	13	1.784,0	
158	Tạ Văn Dương	2	14	906,6	
159	Trần Ngọc Linh	6	14	917,3	
160	Bùi Minh Huyền	7	14	5.063,5	
161	Vũ Xuân Hợp	12	14	4.090,8	
162	Vũ Hải Hà	12-1	14	4.090,8	
163	Vũ Anh Tuấn	13	14	1.220,4	
164	Vũ Xuân Hợp	14	14	2.212,2	
165	Vũ Hải Hà	15	14	2.083,8	
166	Vũ Xuân Hợp	15-1	14	2.083,8	
167	Hoàng Đức Hiển	16	14	2.250,6	
Cộng: 167 thửa				**555.692,4**	

PHỤ LỤC 02

DANH SÁCH 15 THỬA ĐẤT CHƯA XÁC ĐỊNH ĐƯỢC TÊN NGƯỜI SỞ HỮU TÀI SẢN TRÊN ĐẤT

Có diện tích thuộc quy hoạch đất rừng phòng hộ, chưa bàn giao mặt bằng, thuộc phạm vi dự án Giải phóng mặt bằng và xây dựng công trình bảo vệ đất quốc phòng Sư đoàn Bộ binh 312/Quân đoàn 12 (thôn Phú Sơn, xã Kim Anh)

(Kèm theo Thông báo số: 9324/TB-UBND ngày 23/11/2026 của UBND xã Kim Anh)

STT	Người sở hữu tài sản trên đất	Số thửa	Tờ BĐ GPMB	Diện tích thu hồi (m²)	Ghi chú
1	Chưa xác định	1	1	704,1	
2	Chưa xác định	8	1	246,9	
3	Chưa xác định	10	1	277,4	
4	Chưa xác định	12	1	5.915,3	
5	Chưa xác định	4	2	7.981,5	
6	Chưa xác định	9	3	1.930,8	
7	Chưa xác định	10	3	1.273,7	
8	Chưa xác định	5-1	4	132,2	
9	Chưa xác định	6	4	7.961,0	
10	Chưa xác định	12-1	4	5.927,1	
11	Chưa xác định	20	5	145,3	
12	Chưa xác định	6	6	1.505,3	
13	Chưa xác định	56	10	1.822,9	
14	Chưa xác định	78	10	250,3	
15	Chưa xác định	83	10	423,3	
Cộng: 15 thửa				**36.497,1**	